

Số: 1504/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành mục tiêu, chuẩn đầu ra
của các chương trình đào tạo tích hợp trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học 2025;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1911/QĐ-ĐHTCM ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá và cải tiến các chương trình đào tạo các trình độ đào tạo tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông báo số 1280/TB-ĐHTCM-QLĐT ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing kết luận tại phiên họp Hội đồng Khoa học và đào tạo tháng 4/2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo và Trưởng khoa các Khoa, Viện đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mục tiêu, chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo tích hợp trình độ đại học tại Trường Đại học Tài chính – Marketing. ✓

Điều 2. Mục tiêu, chuẩn đầu ra quy định tại Điều 1 được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2026 trở đi.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trường phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng, Trưởng các Khoa, Viện đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- PHT phụ trách đào tạo;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT (02b).



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Tiến Đạt

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÁC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH CỦA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍCH HỢP TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1504 /QĐ-ĐHTCM ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO
1	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp
		Quản trị bán hàng
		Quản trị khởi nghiệp
2	Marketing	Quản trị Marketing
		Truyền thông marketing
		Quản trị thương hiệu
3	Kinh doanh quốc tế	Quản trị kinh doanh quốc tế
		Thương mại quốc tế
		Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu
4	Tài chính – Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp
		Ngân hàng
		Thẩm định giá
		Thuế
		Tài chính công
		Hải quan – Xuất nhập khẩu
5	Công nghệ tài chính	Công nghệ tài chính
6	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp
		Kiểm toán
7	Kiểm toán	Kiểm toán
Tổng cộng: 07 ngành, 19 chuyên ngành đào tạo./.		

**MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍCH HỢP TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1504~~/QĐ-ĐHTCM, ngày ~~15~~ tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu ngành đào tạo

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): Quản trị kinh doanh
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): Business Administration
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7340101
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo tích hợp cử nhân ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; có nền tảng kiến thức hệ thống và chuyên sâu về quản trị kinh doanh; có khả năng vận dụng kiến thức quản trị hiện đại, công cụ và phương pháp phân tích để giải quyết các vấn đề trong hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt trong các lĩnh vực quản trị, kinh doanh và vận hành trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập toàn cầu; có khả năng sử dụng tiếng Anh trong học tập, giao tiếp và hoạt động nghề nghiệp; đồng thời hình thành tư duy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, thực hành nghề nghiệp và thích ứng với sự thay đổi trong môi trường kinh doanh quốc tế và đa văn hóa.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ Về kiến thức

- PO1: Phát triển năng lực tích hợp và vận dụng kiến thức về khoa học tự nhiên, xã hội, kinh tế, quản trị, lãnh đạo, chiến lược, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững để tham gia điều hành và phát triển tổ chức trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

❖ Về kỹ năng

- PO2: Hình thành và phát triển kỹ năng giải quyết các vấn đề quản trị phức tạp, khởi nghiệp và phát triển tổ chức, sử dụng hiệu quả công nghệ, công cụ phân tích và tiếng Anh trong môi trường đa văn hóa.

❖ Về mức tự chủ và trách nhiệm

- PO3: Thực hiện năng lực tự chủ, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp; chủ động học tập suốt đời và thích ứng với môi trường kinh doanh toàn cầu và đổi mới liên tục. ✓



3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ Về kiến thức

- PLO1: Phân tích môi trường kinh doanh toàn cầu và chuyển đổi số dựa trên kiến thức tích hợp.

+ PI1.1: Phân tích các yếu tố kinh tế, khoa học tự nhiên, xã hội và công nghệ trong tình huống doanh nghiệp.

+ PI1.2: Đánh giá tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động doanh nghiệp.

- PLO2: Đánh giá các mô hình và hệ thống hoạt động quản trị trong bối cảnh toàn cầu và chuyển đổi số.

+ PI2.1: Phân tích mô hình/công cụ/ hoạt động quản trị trong doanh nghiệp.

+ PI2.2: Đánh giá hiệu quả quyết định quản trị dựa trên dữ liệu.

- PLO3: Thiết kế giải pháp quản trị dựa trên dữ liệu và bối cảnh toàn cầu.

+ PI3.1: Xây dựng phương án hoặc chiến lược kinh doanh phù hợp với bối cảnh.

+ PI3.2: Đề xuất giải pháp quản trị có luận cứ, dữ liệu và tính khả thi rõ ràng.

❖ Về kỹ năng:

- PLO4: Phân tích dữ liệu kinh doanh phục vụ ra quyết định trong môi trường toàn cầu và chuyển đổi số.

+ PI4.1: Thu thập, tích hợp và phân tích dữ liệu từ nhiều nguồn, khai thác hiệu quả các công cụ phù hợp (bao gồm ngôn ngữ và tài liệu tiếng Anh) nhằm hỗ trợ ra quyết định trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

+ PI4.2: Trình bày kết quả phân tích dữ liệu trong môi trường chuyên môn (có thể sử dụng bằng tiếng Anh để trình bày).

- PLO5: Triển khai công nghệ và công cụ số trong hoạt động doanh nghiệp.

+ PI5.1: Sử dụng công cụ, công nghệ quản trị trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.

+ PI5.2: Đánh giá hiệu quả ứng dụng công cụ, công nghệ trong quản trị doanh nghiệp.

- PLO6: Ra quyết định trong môi trường làm việc nhóm và bối cảnh biến động.

+ PI6.1: Phối hợp làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ.

+ PI6.2: Đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu và lập luận.

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- PLO7: Thực hiện trách nhiệm nghề nghiệp và phát triển năng lực tự chủ trong môi trường kinh doanh toàn cầu và chuyển đổi số.

+ PI7.1: Tuân thủ quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

+ PI7.2: Thích ứng với sự thay đổi trong môi trường học tập và làm việc. ✓

4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
a. Kiến thức lý luận chính trị																
1	Triết học Mác – Lênin	3	I													I
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	I													I
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I													I
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I													I
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I													I
b. Kiến thức pháp luật																
6	Pháp luật đại cương	3	R							R						R
c. Ngoại ngữ																
7	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	I							I						I
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3	R							R						R
d. Toán – Tin học																
9	Năng lực Số	3	I							I						I
10	Toán kinh tế	3	I							I						I
2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp																
a. Kiến thức cơ sở ngành																
11	Kinh tế học vi mô (TA)	3	I		I					I						I
12	Kinh tế học vĩ mô (TA)	3	I		I					I						I
13	Nguyên lý kế toán(TA)	3	R	R								R				R
14	Nguyên lý marketing (TA)	3			R			R								
15	Quản trị học (TA)	3			R									I	R/A	I/A

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
16	Tài chính – Tiền tệ	3			R	R					R				R	
17	Luật kinh doanh	3			R	R					R				R	R
18	Thuế	3			R	R						R			R	I
19	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3		R					R						R	
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R		M/A	M/A					R/A			R
21	Kinh tế lượng	3	R						R				R			R
22	Phát triển bền vững	3	R						R				R		R	
23	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3			R						R				R	
b. Kiến thức ngành																
24	Quản trị vận hành và công nghệ	3			R			R/A			R/A	R/A			R	
25	Hành vi khách hàng	3	R				R							R		
26	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội	3		R/A									R		R/A	
27	Quản trị nguồn nhân lực	3			R/A								R/A	R		R/A
28	Quản trị mô hình kinh doanh	3						M						M	R	
29	Quản trị chiến lược	3		R/A	R/A		M/A	R						M/A		
30	Kinh doanh quốc tế	3	R	R					R	R					R	
31	Thực hành nghề nghiệp	3	M/A			R/A			M/A	R/A					R	
32	Quản trị chuỗi cung ứng	3			M			R			M/A	M/A		R		
33	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3				R					R				R	
c. Kiến thức chuyên ngành																
Chuyên ngành 1: Quản trị kinh doanh tổng hợp																
Học phần bắt buộc																
34	Quản trị chất lượng	3			M				M						M	

STT	Tên học phần	TC	PLOs														
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	
35	Quản trị rủi ro	3		R		M/A									M	R	
36	Quản trị đổi mới	3					M	M						M		M	
Tự chọn: 6 TC (sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm dưới)																	
Nhóm 1: Định hướng Quản trị nhân sự																	
37	Quản trị đánh giá và đãi ngộ	3			M					M						M	
38	Quản trị thay đổi và phát triển tổ chức	3			R										M	M	M
Nhóm 2: Định hướng Quản trị doanh nghiệp																	
39	Lãnh đạo	3			R										M	R	R
40	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	3						M							R		R
Chuyên ngành 2: Quản trị bán hàng																	
Học phần bắt buộc																	
41	Bán hàng chuyên nghiệp	3			M						M				M	M	M
42	Quản trị quan hệ khách hàng	3				M/A							M				R
43	Quản trị xúc tiến thương mại	3				M								M	M		M
Tự chọn: 6 TC (sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm dưới)																	
Nhóm 1: Định hướng Bán hàng cá nhân (B2C Sales Management)																	
44	Quản trị bán lẻ	3			M											R	R
45	Quản trị trung tâm thương mại	3					R								R		R
Nhóm 2: Định hướng Bán hàng tổ chức (B2B Sales Management)																	
46	Bán hàng chuyên nghiệp nâng cao	3			M								R				R
47	Quản trị kênh bán hàng	3			R			M							M		R
Chuyên ngành 3: Quản trị khởi nghiệp																	

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
Học phần bắt buộc																
48	Tư duy thiết kế khởi nghiệp	3			M		M	M					M		M	
49	Lập kế hoạch khởi nghiệp	3			M		M	M						M	M	
50	Dự án khởi nghiệp	3				M/A	M	M					M	M		
Tự chọn: 6 TC (sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm dưới)																
Nhóm 1: Định hướng Khởi nghiệp sáng tạo																
51	Tinh thần khởi nghiệp của công ty	3		R		R		M							R	M
52	Kinh doanh trên nền tảng số	3			R						I	R				I
Nhóm 2: Định hướng Khởi nghiệp bền vững																
53	Khởi nghiệp xanh	3		R				M	M						R	M
54	Kinh doanh có trách nhiệm toàn cầu	3	R	R					R							M
d. Kiến thức bổ trợ ngành																
55	Quản trị bán hàng	3				R				R				R	R	R
56	Quản trị đa quốc gia	3						M/A						M		M
Tốt nghiệp																
57	Khóa luận tốt nghiệp	6	M/A			M				M/A	M/A					M/A
Hoặc																
58	Thực tập cuối khóa	3	M/A			M				M/A	M/A					M/A
59	Học phần thay thế: Thực hành Quản trị doanh nghiệp (Chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp)	3						M			M	M				M

STT	Tên học phần	TC	PLOs									
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2
60	Học phần thay thế: Thực hành Quản trị bán hàng tích hợp (Chuyên ngành Quản trị bán hàng)	3					M			M		
61	Học phần thay thế: Thực hành Quản trị Khởi nghiệp (Chuyên ngành Quản trị khởi nghiệp)	3					M		M			

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING



TRƯỜNG KHOA
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

★ Phạm Tiến Đạt

Huỳnh Thế Nguyễn

**MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍCH HỢP TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1504~~ /QĐ-ĐHTCM, ngày ~~15~~ tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu chung về ngành đào tạo:

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): Marketing
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): Marketing
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7340115
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo cử nhân Marketing (chương trình Tích hợp, định hướng ứng dụng) nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực quản trị marketing đột phá và tư duy tích hợp chiến lược trong môi trường kinh doanh toàn cầu. Chương trình chú trọng phát triển năng lực ứng dụng công nghệ số tiên tiến, phân tích dữ liệu chuyên sâu và khả năng đàm phán bằng ngoại ngữ để người học có thể hoạch định, triển khai các chiến dịch marketing phức tạp tại các tổ chức đa quốc gia. Sau khi tốt nghiệp, người học thể hiện trách nhiệm xã hội cao, năng lực lãnh đạo làm việc nhóm, có năng lực nghiên cứu, sáng tạo để khởi nghiệp và khả năng học tập suốt đời để thích ứng trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ Về kiến thức

PO1: Người học có năng lực vận dụng hệ thống tri thức đa ngành và kiến thức chuyên sâu về marketing tích hợp để phân tích, giải quyết các thách thức kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu hóa.

❖ Về kỹ năng

PO2: Người học có năng lực khởi nghiệp, phát triển năng lực thiết kế, tổ chức thực thi và đo lường các chiến lược marketing đa kênh; làm chủ công nghệ số, dữ liệu và sử dụng thành thạo tiếng Anh để đàm phán kinh doanh hiệu quả.

❖ Về mức tự chủ và trách nhiệm

PO3: Người học có năng lực thể hiện bản lĩnh làm việc độc lập, dẫn dắt nhóm làm việc trong môi trường đa văn hóa; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và thúc đẩy tinh thần đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp.

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

❖ Về kiến thức

- PLO1: Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và kinh tế để phân tích các vấn đề tác động đến môi trường kinh doanh. ✓

+ PI 1.1: Giải thích được các quy luật, nguyên lý cơ bản của khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và kinh tế học liên quan đến hoạt động marketing;

+ PI 1.2: Phân tích được tác động của các yếu tố môi trường vĩ mô đến hoạt động marketing của doanh nghiệp.

- PLO2: Ứng dụng được kiến thức công nghệ thông tin và toán kinh tế để thực hiện các nghiệp vụ cơ bản trong quản trị và marketing.

+ PI 2.1: Sử dụng được thành thạo các công cụ công nghệ thông tin cơ bản để tối ưu hóa hiệu quả công việc.

+ PI 2.2: Áp dụng được các mô hình toán kinh tế để tính toán và xử lý các bài toán cơ bản trong quản trị hoạt động marketing.

- PLO3: Vận dụng được các nguyên lý, mô hình marketing chuyên sâu vào bối cảnh thực tiễn của doanh nghiệp đa quốc gia.

+ PI 3.1: Đánh giá được thực trạng hoạt động marketing của tổ chức dựa trên các lý thuyết và mô hình marketing tiên tiến.

+ PI 3.2: Thiết kế được các giải pháp marketing tích hợp phù hợp với mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp trong môi trường đa văn hóa và toàn cầu.

❖ Về kỹ năng

- PLO4: Giao tiếp chuyên nghiệp, đàm phán bằng ngoại ngữ và xử lý tình huống nghề nghiệp trên nền tảng đạo đức.

+ PI 4.1: Sử dụng thành thạo tiếng Anh chuyên ngành để đàm phán, thuyết phục và xử lý các vấn đề marketing.

+ PI 4.2: Giải quyết được các tình huống marketing phức tạp dựa trên sự vận dụng linh hoạt các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

- PLO5: Sử dụng thành thạo công cụ số và dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định marketing và thiết lập ý tưởng khởi nghiệp.

+ PI 5.1: Vận dụng thành thạo các công cụ số, công cụ chuyên dụng để thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu thị trường.

+ PI 5.2: Đề xuất được các hàm ý quản trị, lập đề án khởi nghiệp khả thi dựa trên kết quả dữ liệu đã phân tích.

- PLO6: Hoạch định, tổ chức triển khai và đo lường được kết quả các chương trình marketing.

+ PI 6.1: Hoạch định và tổ chức thực hiện được các kế hoạch marketing thực tiễn gắn với mục tiêu và nguồn lực của tổ chức.

+ PI 6.2: Đánh giá được hiệu quả của các chương trình marketing đã triển khai thông qua các chỉ số đo lường.

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm ✓

- PLO7: Thể hiện được năng lực làm việc độc lập ở mức độ cao, tham gia quản lý, điều phối và đánh giá được hoạt động chuyên môn; có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

+ PI 7.1: Thực hiện được công việc độc lập ở mức độ cao, bảo vệ được các quyết định, kết luận chuyên môn bằng lập luận chặt chẽ và bằng chứng dữ liệu xác đáng.

+ PI 7.2: Quản lý hiệu quả tiến độ và chất lượng công việc cá nhân/ nhóm dựa trên các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. ✓

4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	TC	PLOs														
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2	
I	Giáo dục đại cương																
a	Kiến thức lý luận chính trị																
1	Triết học Mác – Lênin	3	I														I
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	I														I
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I														I
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I														I
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I														I
b	Kiến thức pháp luật																
6	Pháp luật đại cương	3	R									R					R
c	Ngoại ngữ																
7	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	I									I					I
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3	R									R					R
d	Toán – Tin học																
9	Năng lực số	3	I									I					I
10	Toán kinh tế	3	I									I					I
II	Giáo dục chuyên nghiệp																
a	Kiến thức cơ sở ngành																
11	Kinh tế học vi mô	3	I		I							I					I
12	Kinh tế học vĩ mô	3	I		I							I					I
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R										R			R
14	Nguyên lý Marketing	3	-		R		R										
15	Quản trị học	3			R											I	I
16	Tài chính - Tiền tệ	3			R									R		R	R

STT	Tên học phần	TC	PLOs									
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2
			PI 7.1	PI 7.2								
17	Luật kinh doanh	3			R					R		
18	Thuế	3			R							
19	Tài chính doanh nghiệp	3	R						R			
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R		M	M			R	
21	Kinh tế lượng	3	R						R			
22	Phát triển bền vững	3	R						R			
23	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3			R						R	
b	Kiến thức ngành											
24	Marketing kỹ thuật số	3			R/A			M			R/A	
25	Quản trị Marketing	3	R/A	R/A			M					
26	Quản trị vận hành và công nghệ	3			R		R				R	
27	Quản trị nguồn nhân lực	3			R						R	
28	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3				R						R
29	Marketing quốc tế	3	R/A						M/A	R/A	R	
30	Nghiên cứu Marketing	3			R/A	R			M/A			
31	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội	3				R						R
32	Hành vi khách hàng	3	R/A				R/A			R		
33	Quản trị thương hiệu	3					R		R/A	R		R/A
c	Kiến thức chuyên ngành											
Chuyên ngành Quản trị Marketing												
Học phần bắt buộc												
34	Quản trị sản phẩm và giá	3					M	M/A			M	M/A
												M/A

STT	Tên học phần	TC	PLOs														
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2	
35	Quản trị kênh phân phối	3					M	M/A					M	M/A			M/A
36	Truyền thông Marketing tích hợp	3					M	M/A					M	M/A			M/A
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 nhóm)																	
Nhóm 1																	
37	Marketing dịch vụ	3					M	M					M	M			M
38	Marketing trải nghiệm	3					M	M					M	M			M
	Nhóm 2																
39	Marketing B2B						M	M					M	M			M
40	Marketing mối quan hệ						M	M					M	M			M
Chuyên ngành Truyền thông Marketing																	
Học phần bắt buộc																	
41	Quan hệ công chúng						M	M/A					M	M/A			M/A
42	Truyền thông doanh nghiệp						M	M/A					M	M/A			M/A
43	Quản trị quảng cáo						M	M/A					M	M/A			M/A
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 nhóm)																	
Nhóm 1																	
44	Marketing tại điểm bán						M	M					M	M			M
45	Quản trị sự kiện Marketing						M	M					M	M			M
Nhóm 2																	
46	Truyền thông marketing kỹ thuật số						M	M					M	M			M
47	Marketing nội dung						M	M					M	M			M
Chuyên ngành Quản trị Thương hiệu																	
Học phần bắt buộc																	
48	Quản trị thương hiệu B2B						M	M/A					M	M/A			M/A

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2
49	Xây dựng thương hiệu trên phương tiện kỹ thuật số					M	M/A				M	M/A				M/A
50	Thiết kế nhận dạng thương hiệu					M	M/A				M	M/A				M/A
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 nhóm)																
Nhóm 1																
51	Nhượng quyền thương hiệu					M	M				M	M				M
52	Phát triển sản phẩm mới					M	M				M	M				M
Nhóm 2																
53	Quan hệ công chúng					M	M				M	M				M
54	Marketing nội dung					M	M				M	M				M
d Kiến thức bổ trợ ngành:																
55	Phân tích marketing kỹ thuật số			M							M/A			M/A		M
56	Đo lường trong marketing				M/A									M/A		
e	Tốt nghiệp								M						M/A	
57	Khóa luận tốt nghiệp				M/A	M/A						M				
	Hoặc															
58	Thực tập cuối khóa:				M/A	M/A		M				M			M/A	
Học phần thay thế:																
59	Chuyên ngành Quản trị Marketing: Xây dựng kế hoạch Marketing				M/A	M/A		M							M/A	
60	Chuyên ngành Truyền thông Marketing: Xây dựng kế hoạch truyền thông marketing				M/A	M/A		M							M/A	

STT	Tên học phần	TC	PLOs									
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2
61	Chuyên ngành Quản trị thương hiệu: Xây dựng kế hoạch truyền thông thương hiệu					M/A	M/A		M			

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG KHOA
KHOA MARKETING



Phạm Tiến Đạt

Bảo Trung

**MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍCH HỢP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1504/QĐ-ĐHTCM, ngày 19 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu chương trình đào tạo

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): Kinh doanh quốc tế
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): International Business
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7340120
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng – Chương trình Tích hợp

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình Tích hợp đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học định hướng ứng dụng Ngành Kinh doanh quốc tế nhằm giúp người học khi tốt nghiệp thể hiện năng lực vận dụng kiến thức cơ bản kết hợp chuyên sâu, toàn diện và tư duy phản biện để phân tích, tổng hợp và giải quyết vấn đề phức tạp phát sinh trong thực tiễn hoạt động kinh doanh quốc tế; năng lực nghiên cứu, thực hành nghề nghiệp, đổi mới sáng tạo khởi nghiệp, quản lý chuyên môn; năng lực làm việc độc lập ở mức độ cao, đồng thời tự chịu trách nhiệm nghề nghiệp đối với kết quả công việc, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội thích ứng với sự thay đổi công nghệ, môi trường kinh doanh toàn cầu và yêu cầu phát triển của xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ **Về kiến thức**

- PO1: Có khả năng vận dụng các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lê nin; các quy luật tự nhiên, xã hội và pháp luật; các kiến thức về công nghệ thông tin và ngoại ngữ; các kiến thức cơ sở ngành vào lĩnh vực Kinh doanh quốc tế;
- PO2: Có khả năng vận dụng những kiến thức lý thuyết tiên tiến, toàn diện, chuyên sâu về kinh doanh quốc tế để phân tích bối cảnh kinh tế, chính sách và môi trường kinh doanh toàn cầu, tham gia đề xuất và thực thi các quyết định quản trị liên quan đến hoạt động thương mại quốc tế, logistics và chuỗi cung ứng toàn cầu, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức.

❖ **Về kỹ năng:**

- PO3: Có năng lực sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, ngoại ngữ (tiếng Anh) và vận dụng thành thạo các kiến thức chung nền tảng vào giải quyết các công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực kinh doanh quốc tế (chuyên ngành Thương mại quốc tế, chuyên ngành Quản trị kinh doanh quốc tế, chuyên ngành Logistics và quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu);



- PO4: Có năng lực thực hiện các nghiệp vụ, phương pháp, công cụ phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp phù hợp giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh trong thực tiễn hoạt động kinh doanh quốc tế; có khả năng cập nhật kiến thức mới và năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo khởi nghiệp đóng góp vào hoạt động nghiên cứu, tư vấn chính sách hoặc phát triển doanh nghiệp, tổ chức.

❖ **Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:**

- PO5: Có tác phong chuyên nghiệp, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp đối với kết quả công việc, trách nhiệm xã hội và tuân thủ pháp luật; có khả năng làm việc độc lập ở mức độ cao trong môi trường đa văn hóa và hội nhập quốc tế, đồng thời tự học hỏi, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế để đóng góp vào sự phát triển của doanh nghiệp, tổ chức và nền kinh tế.

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

❖ **Về kiến thức**

- PLO1: Đánh giá được các yếu tố của môi trường kinh doanh ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh quốc tế trong các bối cảnh kinh tế, chính trị, pháp luật, xã hội và công nghệ khác nhau.

+ PI 1.1: Xác định được ảnh hưởng của môi trường kinh doanh quốc tế của một quốc gia hoặc thị trường mục tiêu bằng các phương pháp và công cụ phân tích môi trường kinh doanh.

+ PI 1.2: Đánh giá tác động của các yếu tố môi trường kinh doanh quốc tế đến hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp trong một tình huống kinh doanh cụ thể.

- PLO2: Đánh giá được dữ liệu kinh doanh và thông tin thị trường bằng các công cụ phân tích dữ liệu và trực quan hóa dữ liệu để hỗ trợ ra các quyết định quản trị trong hoạt động kinh doanh quốc tế.

+ PI 2.1: Phân tích được dữ liệu kinh doanh và thông tin thị trường bằng các công cụ phân tích dữ liệu và trực quan hóa dữ liệu.

+ PI 2.2: Đánh giá được kết quả phân tích dữ liệu kinh doanh quốc tế và thông tin thị trường để hỗ trợ ra các quyết định quản trị trong các tình huống kinh doanh quốc tế khác nhau.

- PLO3: Thiết lập được phương án kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh quốc tế phức tạp.

+ PI 3.1: Phân tích được các hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh quốc tế cụ thể.

+ PI 3.2: Đề xuất được phương án kinh doanh quốc tế phù hợp cho một doanh nghiệp hoặc sản phẩm cụ thể dựa trên kết quả phân tích các hoạt động của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh quốc tế phức tạp.

❖ **Về kỹ năng:**

- PLO4: Ứng dụng thành thạo công nghệ, công cụ phân tích và ngoại ngữ (tiếng Anh) để phân tích được các yếu tố của môi trường kinh doanh trong hoạt động kinh doanh quốc tế. ✓

+ PI 4.1: Sử dụng thành thạo phần mềm phân tích dữ liệu để xử lý thông tin trong hoạt động kinh doanh quốc tế.

+ PI 4.2: Sử dụng tiếng Anh thành thạo trong bối cảnh học thuật và giải quyết công việc chuyên môn thuộc chuyên ngành đào tạo.

PLO5: Thành thạo quản trị các quyết định kinh doanh phát sinh trong hoạt động kinh doanh quốc tế dựa trên kết quả phân tích dữ liệu kinh doanh và thông tin thị trường.

+ PI 5.1: Thành thạo lập kế hoạch kinh doanh dựa trên kết quả phân tích dữ liệu kinh doanh và thông tin thị trường về kinh doanh quốc tế.

+ PI 5.2: Thành thạo tổ chức thực hiện các quyết định kinh doanh dựa trên kế hoạch kinh doanh, kết quả phân tích dữ liệu kinh doanh và thông tin thị trường.

- PLO6: Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn trong hoạt động kinh doanh quốc tế theo quy trình và chuẩn mực nghề nghiệp.

+ PI 6.1: Hoàn thành được các nghiệp vụ kinh doanh quốc tế trong một bài tập mô phỏng hoặc tình huống thực hành.

+ PI 6.2: Đề xuất được phương án xử lý các tình huống nghiệp vụ phát sinh trong hoạt động kinh doanh quốc tế.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm*

- PLO7: Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội; năng lực làm việc độc lập và hợp tác, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thích ứng với môi trường chuyên nghiệp, chuyên sâu trong hoạt động kinh doanh quốc tế.

+ PI 7.1: Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và thích ứng với thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế.

+ PI 7.2: Hoàn thành nhiệm vụ trong dự án nhóm với vai trò dẫn dắt và cá nhân được phân công, đồng thời tự chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc cá nhân và nhóm trong môi trường đa văn hóa. ✓

STT	Tên học phần	TC	PLOs														
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																	
a. Kiến thức lý luận chính trị																	
1	Triết học Mác – Lênin	3	I													I	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	I													I	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I													I	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I													I	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I													I	
b. Kiến thức pháp luật																	
6	Pháp luật đại cương	3	R								R						R
c. Ngoại ngữ																	
7	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	I									I					I
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3	R									R					R
d. Toán – Tin học																	
9	Năng lực Số	3	I									I					I
10	Toán kinh tế	3	I									I					I
2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp																	

STT	Tên học phần	TC	PLOs														
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	
a. Kiến thức cơ sở ngành																	
11	Kinh tế học vi mô		I		I					I						I	
12	Kinh tế học vĩ mô		I		I					I						I	
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R										R		R	
14	Nguyên lý marketing	3			R		R										
15	Quản trị học	3			R										R	R	I
16	Tài chính – Tiền tệ	3			R									R		R	
17	Luật kinh doanh	3			R								R			R	
18	Thuế	3			R									R		R	
19	Tài chính doanh nghiệp	3		R							R					R	
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R		M	M							R		R
21	Kinh tế lượng	3	R									R			R		R
22	Phát triển bền vững	3	R								R				R	R	
23	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3			R								R			R	
b. Kiến thức ngành																	
24	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội	3					R								R		R
25	Quản trị nguồn nhân lực	3			R										R	R	R
26	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3					R						R				R

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
27	Quản trị chuỗi cung ứng	3			M/A	M/A					M/A	M/A				M/A
28	Hành vi khách hàng	3				R					R				R	
29	Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế	3			R/A	R/A					R/A	R/A			R	
30	Chiến lược kinh doanh quốc tế	3	M/A	M/A					M/A	M/A					R	
31	Kinh doanh quốc tế	3	R/A	R/A					R/A	R/A					R	
32	Marketing quốc tế	3			M/A	M/A					M/A	M/A			R	
33	Thương mại điện tử	3				R						R			R	
c. Kiến thức chuyên ngành																
Chuyên ngành 1: Thương mại quốc tế																
Học phần bắt buộc																
34	Vận tải và bảo hiểm hàng hóa ngoại thương	3					M/A						M/A		M/A	
35	Thanh toán trong ngoại thương	3					R/A						R/A		R/A	
36	Quản lý đơn hàng	3						R/A						R/A		M/A
Tự chọn: 6 TC (sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm dưới)																
Nhóm 1																
37	Quản trị Logistics	3					M						M		M	

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
38	Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu	3			M		M				M		M		M	
Nhóm 2																
39	Thuế xuất nhập khẩu và nghiệp vụ hải quan	3					M						M		M	
40	Thực hành tình huống kinh doanh quốc tế	3					M						M		M	
Chuyên ngành 2: Quản trị kinh doanh quốc tế																
Học phần bắt buộc																
41	Kinh doanh quốc tế nâng cao	3						R/A						R/A		M/A
42	Đầu tư quốc tế	3					M/A						M/A		M/A	
43	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	3					R/A						R/A		R/A	
Tự chọn: 6 TC (sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm dưới)																
Nhóm 1																
44	Quản trị Logistics	3					M							M		M
45	Blockchain trong kinh doanh quốc tế	3					M							M		M
Nhóm 2																
46	Thanh toán trong ngoại thương	3					M							M		M

STT	Tên học phần	TC	PLOs									
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2
47	Quản trị đa văn hóa	3					M				M	
Chuyên ngành 3: Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu												
Học phần bắt buộc												
48	Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu	3					M/A				M/A	
49	Quản trị Logistics	3						R/A			R/A	M/A
50	Hệ thống thông tin quản lý Logistics và chuỗi cung ứng	3					R/A				R/A	R/A
Tự chọn: 6 TC (sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm dưới)												
Nhóm 1												
51	Vận tải và bảo hiểm hàng hóa ngoại thương	3					M				M	M
52	Hàng hóa trong logistics	3					M				M	M
Nhóm 2												
53	Quản trị kho hàng	3					M				M	M
54	Quản trị thu mua	3					M				M	M
d. Kiến thức bổ trợ ngành												
55	Giao dịch trong thương mại quốc tế	3	R/A	R/A					R/A	R/A		R/A
56	Luật thương mại quốc tế	3			R					R		R

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
3. Tốt nghiệp																
57	Khóa luận tốt nghiệp	6					M/A	M/A					M/A	M/A	M/A	
Hoặc																
58	Thực tập cuối khóa	3					M/A	M/A					M/A	M/A	M/A	
59	Thực hành nghề nghiệp	3						M						M		M

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Tiên Đạt

TRƯỜNG KHOA
KHOA THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH

Nguyễn Xuân Hiệp

**MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍCH HỢP TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1504~~ /QĐ-ĐHTCM, ngày ~~15~~ tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính - Marketing)

1. Giới thiệu chung về ngành đào tạo

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): **TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): **FINANCE - BANKING**
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7340201
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng theo định hướng ứng dụng, có kiến thức lý thuyết hệ thống và kiến thức thực tiễn toàn diện trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và các lĩnh vực liên quan; có năng lực phân tích, phản biện, đánh giá và giải quyết các vấn đề chuyên môn phức tạp trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế trong các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và cơ quan quản lý nhà nước. Người học có khả năng sử dụng thành thạo công cụ số, dữ liệu và công nghệ hiện đại trong hoạt động nghề nghiệp; có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, quản lý và điều phối công việc chuyên môn; có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và khả năng thích ứng với môi trường nghề nghiệp thay đổi, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho các ngân hàng, doanh nghiệp và cơ quan hành chính sự nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ *Về kiến thức:*

Vận dụng tốt kiến thức lý thuyết hệ thống, kiến thức thực tiễn và kiến thức liên ngành về kinh tế, pháp luật, công nghệ và dữ liệu để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có khả năng phản biện, đề xuất giải pháp và thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

❖ *Về kỹ năng:*

Thành thạo kỹ năng phân tích, phản biện, giải quyết các vấn đề chuyên môn phức tạp; sử dụng hiệu quả công cụ số, dữ liệu và công nghệ hiện đại để thực hiện các nghiệp vụ tài chính - ngân hàng trong môi trường toàn cầu hóa và chuyển đổi số.

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm:*

Phát triển tốt khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong hoạt động nghề nghiệp; có

khả năng quản lý, điều phối và đánh giá hoạt động chuyên môn; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ Về kiến thức

- PLO1: Vận dụng tốt kiến thức lý thuyết hệ thống, kiến thức thực tiễn và kiến thức liên ngành để phân tích, đánh giá và phản biện các vấn đề trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

+ PI 1.1: Vận dụng tốt kiến thức nền tảng, kiến thức hệ thống và kiến thức liên ngành để phân tích và đánh giá các vấn đề trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

+ PI 1.2: Vận dụng tốt kiến thức lý thuyết, thực tiễn và liên ngành để phản biện một cách có cơ sở khoa học các vấn đề trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

- PLO2: Vận dụng tốt các kiến thức nền tảng của khối ngành kinh tế và các công cụ số, dữ liệu và công nghệ hiện đại nhằm thực hiện các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng trong môi trường hội nhập quốc tế.

+ PI 2.1: Vận dụng tốt kiến thức nền tảng của khối ngành kinh tế để thực hiện các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

+ PI 2.2: Vận dụng tốt các công cụ số, dữ liệu và công nghệ hiện đại để xử lý, phân tích và hỗ trợ ra quyết định trong các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

- PLO3: Phân tích, đánh giá và giải quyết tốt các vấn đề chuyên môn; đề xuất giải pháp và sáng kiến phù hợp trong các bối cảnh nghề nghiệp khác nhau.

+ PI 3.1: Phân tích và đánh giá tốt các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng dựa trên kiến thức ngành và chuyên ngành, trong các bối cảnh nghề nghiệp khác nhau.

+ PI 3.2: Vận dụng tốt kiến thức ngành và chuyên ngành để đề xuất giải pháp và sáng kiến nhằm giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng trong các bối cảnh nghề nghiệp khác nhau.

❖ Về kỹ năng:

- PLO4: Xử lý tốt các tình huống liên quan đến hoạt động về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; sử dụng thành thạo tiếng Anh chuyên ngành để giải quyết công việc thuộc ngành đào tạo.

+ PI 4.1: Xử lý tốt các tình huống liên quan đến hoạt động về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật để giải quyết công việc thuộc ngành đào tạo

+ PI 4.2: Sử dụng thành thạo tiếng Anh để hỗ trợ công việc thuộc ngành đào tạo.

- PLO5: Ứng dụng thành thạo công nghệ số, dữ liệu và các công cụ chuyên môn để giải quyết các tình huống liên quan; giải quyết các bài toán, nghiệp vụ chuyên ngành, xây dựng và định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

+ PI 5.1: Ứng dụng thành thạo công nghệ số, dữ liệu và các công cụ chuyên môn để xử lý thông tin và giải quyết các bài toán, tình huống trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

+ PI 5.2: Giải quyết hiệu quả các nghiệp vụ chuyên môn; đồng thời xây dựng và phát triển định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

- PLO6: Vận dụng tốt kiến thức chuyên ngành và kỹ năng nghề nghiệp để tổ chức, triển khai và đánh giá các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

+ PI 6.1: Xác định và phân tích tốt các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng làm cơ sở cho việc tổ chức và triển khai các hoạt động nghiệp vụ.

+ PI 6.2: Vận dụng tốt các phương pháp, kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình chuyên môn để đánh giá các hoạt động trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*

- PLO7: Làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm hiệu quả trong điều kiện thay đổi; có khả năng quản lý, điều phối và chịu trách nhiệm đối với hoạt động chuyên môn; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

+ PI 7.1: Thực hiện hiệu quả làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi; có khả năng quản lý, điều phối công việc và chịu trách nhiệm cá nhân cũng như trách nhiệm chung trong hoạt động chuyên môn.

+ PI 7.2: Tự định hướng tốt trong công việc chuyên môn; đưa ra nhận định và kết luận có cơ sở, đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội. ✓

4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
a	Kiến thức lý luận chính trị															
1	Triết học Mác – Lênin	3	I												I	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	I												I	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I												I	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I												I	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I												I	
b	Kiến thức pháp luật															
6	Pháp luật đại cương	3	R						R						R	
c	Ngoại ngữ															
7	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	I						I						I	
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3	R						R						R	
d	Toán – Tin học															
9	Năng lực số	3	I						I							I
10	Toán kinh tế	3	I						I							I
2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp																
a	Kiến thức cơ sở ngành															
11	Kinh tế học vi mô (TA)	3	I		I				I						I	
12	Kinh tế học vĩ mô (TA)	3	I		I				I						I	

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
13	Nguyên lý kế toán (TA)	3	R	R								R			R	
14	Nguyên lý Marketing (TA)	3			R		R									
15	Quản trị học (TA)	3			R								I	R		I
16	Tài chính – Tiền tệ	3			R							R			R	
17	Luật kinh doanh	3			R						R				R	
18	Thuế	3			R							R			R	
19	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3		R/A						R/A					R/A	
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R		M	M					R			R
21	Kinh tế lượng	3	R							R			R			R
22	Phát triển bền vững	3	R						R				R		R	
23	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3			R						R				R	
b	Kiến thức ngành															
24	Kế toán tài chính	3	R	R							R				R	
25	Nguyên lý bảo hiểm	3					M	M					M		M	
26	Nguyên lý thẩm định giá	3					M	M					M		M	
27	Tài chính công	3	R/A				R		R/A				R		R	
28	Hành vi khách hàng	3	R				R			R	R					R
29	Tài chính cá nhân	3					M	M					M		M	
30	Tài chính quốc tế	3		R/A			R			R/A			R		R/A	
31	Kiểm toán căn bản	3			R	R					R					R

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
32	Ngân hàng thương mại	3	R/A				R		R/A				R		R	
33	Thị trường chứng khoán	3		R			R		R				R		R	
c	Kiến thức chuyên ngành															
Chuyên ngành 1: Tài chính doanh nghiệp																
	Học phần bắt buộc															
34	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3			M/A		M/A				M/A		M		M	
35	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3			M/A		M/A				M/A		M		M	
36	Thực hành nghề nghiệp Tài chính - Ngân hàng	3						M						M		M
Tự chọn: chọn 2 học phần (mỗi nhóm 1 học phần)																
	Nhóm 1															
37	Quản trị rủi ro tài chính	3				M/A		M				M/A	M/A			M
38	Định giá đầu tư	3				M/A		M				M/A	M/A			M
	Nhóm 2															
39	Đầu tư tài chính	3				M/A		M				M/A	M/A			M
40	Tài chính hành vi	3				M/A		M				M/A	M/A			M
Chuyên ngành 2: Ngân hàng																
	Học phần bắt buộc															
41	Thanh toán quốc tế	3			M/A		M/A				M/A		M		M	
42	Thẩm định tín dụng	3			M/A		M/A				M/A		M		M	

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
43	Thực hành nghề nghiệp Tài chính - Ngân hàng	3						M						M		M
Tự chọn: chọn 2 học phần (mỗi nhóm 1 học phần)																
Nhóm 1																
44	Kinh doanh ngoại hối	3				M/A		M				M/A	M/A			M
45	Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng	3				M/A		M				M/A	M/A			M
Nhóm 2																
46	Chứng khoán phái sinh	3				M/A		M				M/A	M/A			M
47	Quản trị ngân hàng	3				M/A		M				M/A	M/A			M
Chuyên ngành 3: Hải quan – Xuất nhập khẩu																
Học phần bắt buộc																
48	Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu	3			M/A		M/A				M/A		M		M	
49	Trị giá hải quan	3			M/A		M/A				M/A		M		M	
50	Kiểm tra, giám sát hải quan	3						M						M		M
Tự chọn: chọn 2 học phần (mỗi nhóm 1 học phần)																
Nhóm 1																
51	Chính sách thuế quan	3				M/A		M				M/A	M/A			M
52	Quản trị xuất nhập khẩu	3				M/A		M				M/A	M/A			M
Nhóm 2																
53	Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	3				M/A		M				M/A	M/A			M

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
54	Chính sách quản lý chuyên ngành hàng hóa xuất nhập khẩu	3				M/A		M				M/A	M/A			M
Chuyên ngành 4: Tài chính công																
	Học phần bắt buộc															
55	Quản lý ngân sách nhà nước	3			M/A		M/A				M/A		M		M	
56	Quản lý tài chính đơn vị công	3			M/A		M/A				M/A		M		M	
57	Kế toán công	3						M						M		M
	Tự chọn: chọn 2 học phần (mỗi nhóm 1 học phần)															
	Nhóm 1															
58	Phân tích lợi ích và chi phí	3				M/A		M				M/A	M/A			M
59	Thẩm định và quản lý dự án đầu tư	3				M/A		M				M/A	M/A			M
	Nhóm 2															
60	Quản trị công	3				M/A		M				M/A	M/A			M
61	Chính sách công	3				M/A		M				M/A	M/A			M
	Chuyên ngành 5: Thuế															
	Học phần bắt buộc															
62	Thuế tiêu dùng	3			M/A		M/A				M/A		M		M	
63	Thuế thu nhập	3			M/A		M/A				M/A		M		M	
64	Thuế tài sản	3						M						M		M
	Tự chọn: chọn 2 học phần (mỗi nhóm 1 học phần)															

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
	Nhóm 1															
65	Đạo đức thuế	3				M/A		M				M/A	M/A			M
66	Hoạch định thuế	3				M/A		M				M/A	M/A			M
	Nhóm 2															
67	Quản lý rủi ro tuân thủ thuế	3				M/A		M				M/A	M/A			M
68	Thuế quốc tế	3				M/A		M				M/A	M/A			M
Chuyên ngành 6: Thẩm định giá																
	Học phần bắt buộc															
69	Thẩm định giá bất động sản	3			M/A		M/A				M/A		M		M	
70	Thẩm định giá động sản	3			M/A		M/A				M/A		M		M	
71	Thẩm định giá doanh nghiệp	3						M						M		M
Tự chọn: chọn 2 học phần (mỗi nhóm 1 học phần)																
	Nhóm 1															
72	Pháp luật trong thẩm định giá tài sản	3				M/A		M				M/A	M/A			M
73	Kỹ thuật bất động sản	3				M/A		M				M/A	M/A			M
	Nhóm 2															
74	Quy hoạch đô thị	3				M/A						M/A	M/A	M		M
75	Phân tích lợi ích và chi phí	3				M/A						M/A	M/A	M		M
d Kiến thức bổ trợ ngành: chọn 1 cặp gồm 2 học phần																
	Cặp 1															
76	Ngân hàng số	3						M						M	M	

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
77	Công nghệ tài chính	3					M							M	M	
	Cập 2															
78	Kiểm tra sau thông quan	3					M							M	M	
79	Quản lý hải quan hiện đại	3					M							M	M	
3. Tốt nghiệp																
80	Khóa luận tốt nghiệp	6						M/A				M		M/A		M/A
	Hoặc															
81	Thực tập cuối khóa							M/A				M		M/A		M/A
82	<i>Học phần thay thế dành cho chuyên ngành Ngân hàng và Tài chính doanh nghiệp:</i> Thực hành ngân hàng điện tử và thực hành mô phỏng đầu tư tài chính	3						M/A				M		M/A	M/A	
83	<i>Học phần thay thế dành cho chuyên ngành Hải quan - Xuất nhập khẩu:</i> Thực hành khai báo hải quan	3						M/A				M		M/A	M/A	
84	<i>Học phần thay thế dành cho chuyên ngành Thuế và Tài chính công:</i> Thực hành kê khai thuế	3						M/A				M		M/A	M/A	
85	<i>Học phần thay thế dành cho chuyên ngành Thẩm định</i>	3						M/A				M		M/A	M/A	

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
	giá: Thực hành nghiên cứu thị trường tài sản															

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- I (Introduced) – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- R (Reinforced) – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- M (Mastery) – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Tiến Đạt

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG


Nguyễn Thị Mỹ Linh

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍCH HỢP TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1504/QĐ-ĐHTCM, ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu chung về ngành đào tạo

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): Công nghệ tài chính
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): Fintech
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7340205
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân ngành Công nghệ tài chính theo định hướng ứng dụng, trang bị cho người học các kiến thức nền tảng và chuyên sâu về tài chính, ngân hàng, kết hợp với công nghệ số, khoa học dữ liệu và các giải pháp công nghệ trong lĩnh vực tài chính. Chương trình đào tạo hướng đến phát triển cho người học năng lực thực hành nghề nghiệp, khả năng vận dụng được các phương pháp phân tích dữ liệu tài chính, thiết kế và vận hành các sản phẩm, dịch vụ tài chính số; ứng dụng các công nghệ số trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Đồng thời, chương trình bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học, tư duy phản biện, năng lực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính số. Người học sau khi tốt nghiệp có ý thức tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và bảo mật dữ liệu; có khả năng tư duy đổi mới sáng tạo, thích ứng nhanh với môi trường chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngân hàng số, công ty fintech, tổ chức tài chính, quỹ đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính số.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ Về kiến thức

Có kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội; có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về tài chính, ngân hàng, kết hợp với công nghệ số, khoa học dữ liệu và các giải pháp công nghệ trong lĩnh vực tài chính. Người học có khả năng tích hợp kiến thức tài chính và công nghệ để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong môi trường số, đồng thời có nền tảng để tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

❖ Về kỹ năng

Hình thành và phát triển các kỹ năng phân tích dữ liệu tài chính, thiết kế và vận hành các sản phẩm, dịch vụ tài chính số; kỹ năng ứng dụng các công nghệ số trong lĩnh vực tài chính; kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và ra quyết định trong môi trường tài chính số. ✓

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm*

Phát triển khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; tự định hướng, đưa ra nhận định chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ tài chính và bảo vệ được quan điểm cá nhân; thích ứng nhanh với sự thay đổi của kinh tế - xã hội, các yêu cầu của sự đổi mới trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ *Về kiến thức*

- PLO1: Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức nền tảng liên quan để phân tích, đánh giá và phản biện các vấn đề trong công việc.

+ PI 1.1: Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức nền tảng liên quan để phân tích, đánh giá các vấn đề trong công việc.

+ PI 1.2: Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức nền tảng liên quan để phản biện các vấn đề trong công việc.

- PLO2: Vận dụng các kiến thức nền tảng về kinh tế, tài chính, khoa học dữ liệu và công nghệ thông tin để thực hiện các công việc trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

+ PI 2.1: Vận dụng các kiến thức nền tảng về kinh tế, tài chính để thực hiện các công việc trong môi trường tài chính số.

+ PI 2.2: Sử dụng các công cụ công nghệ và phân tích dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định tài chính.

- PLO3: Phân tích được các vấn đề thực tiễn, thiết lập được các giải pháp công nghệ phù hợp trong lĩnh vực tài chính.

+ PI 3.1: Phân tích được các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

+ PI 3.2: Thiết lập được các giải pháp công nghệ phù hợp trong lĩnh vực tài chính.

❖ *Về kỹ năng:*

- PLO4: Thực hiện được các tình huống thuộc ngành đào tạo, có liên quan đến những hoạt động về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; sử dụng thành thạo tiếng Anh chuyên ngành để giải quyết công việc trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

+ PI 4.1: Sử dụng thành thạo tiếng Anh chuyên ngành để giải quyết công việc trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

+ PI 4.2: Thực hiện được các tình huống thuộc ngành đào tạo, có liên quan đến những hoạt động về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật.

- PLO5: Thực hiện được các phương pháp, công cụ và kỹ thuật phù hợp để giải quyết các công việc chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ tài chính; cập nhật được các kiến thức mới, có tinh thần đổi mới sáng tạo, học tập suốt đời nhằm đáp ứng nhu cầu công việc.

+ PI 5.1: Thực hiện được các phương pháp, công cụ và kỹ thuật phù hợp để giải quyết các công việc chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

+ PI 5.2: Cập nhật được các kiến thức mới, có tinh thần đổi mới sáng tạo, học tập suốt đời.

đòi nhằm đáp ứng nhu cầu công việc.

- PLO6: Tiến hành xử lý được các tình huống trong lĩnh vực công nghệ tài chính; tích hợp được các giải pháp công nghệ trong lĩnh vực tài chính.

+ PI 6.1: Tiến hành xử lý được các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

+ PI 6.2: Tích hợp được các giải pháp công nghệ trong lĩnh vực tài chính.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*

- PLO7: Thực hiện làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi; thực hiện chịu trách nhiệm cá nhân, chịu trách nhiệm đối với nhóm; xác định được quan điểm cá nhân trong lĩnh vực chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân.

+ PI 7.1: Thực hiện làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi; thực hiện chịu trách nhiệm cá nhân, chịu trách nhiệm đối với nhóm.

+ PI 7.2: Xác định được quan điểm cá nhân trong lĩnh vực chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân. ✓

4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
a	Kiến thức lý luận chính trị															
1	Triết học Mác – Lênin	3	I													I
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	I													I
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I													I
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I													I
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I													I
b	Kiến thức pháp luật															
6	Pháp luật đại cương	3	R							R						R
c	Ngoại ngữ															
7	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	I							I						I
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3	R							R						R
d	Toán – Tin học															
9	Năng lực số	3	I							I						I
10	Toán kinh tế	3	I							I						I
2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp																
a	Kiến thức cơ sở ngành															
11	Kinh tế học vi mô	3	I		I					I						I

STT	Tên học phần	TC	PLOs														
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2	
12	Kinh tế học vĩ mô	3	I		I					I					I		
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R									R			R	
14	Nguyên lý Marketing	3			R		R										
15	Quản trị học	3			R		R							I	R		I
16	Tài chính – Tiền tệ	3			R								R			R	
17	Luật kinh doanh	3			R									R		R	
18	Thuế	3					R							R		R	
19	Tài chính doanh nghiệp	3		R						R						R	
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R			M	M					R			R
21	Kinh tế lượng	3	R								R			R			R
22	Phát triển bền vững	3	R								R			R		R	
23	Cơ sở lập trình	3						R			R	R					R
b	Kiến thức ngành																
24	Phát triển hệ thống thương mại điện tử	3							M						M		M
25	Công nghệ bảo hiểm	3						M							M		M
26	Khai phá dữ liệu	3							M		M	M	M				R
27	Tài chính công	3	R/A					R			R/A			R		R	R/A
28	Hành vi khách hàng	3	R					R			R	R					
29	Tài chính cá nhân	3						M						M		M	
30	Tài chính quốc tế	3		R/A				R			R/A			R		R/A	
31	Cơ sở dữ liệu	3						M						M		M	
32	Ngân hàng thương mại	3	R/A					R			R/A			R		R	R/A

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2
33	Thị trường chứng khoán	3	R/A					R		R/A				R		R/A
c	Kiến thức chuyên ngành															
Học phần bắt buộc																
34	Tiền số và công nghệ blockchain	3			M/A				M				M/A	M/A		M
35	Học máy	3						M						M		M
36	Thực hành nghề nghiệp công nghệ tài chính	3						M					M			M
Tự chọn: chọn 2 học phần (mỗi nhóm 1 học phần)																
Nhóm 1																
37	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính	3				M/A	M/A					M/A			M	
38	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính	3				M/A	M/A					M/A		M		M
Nhóm 2																
39	Công nghệ Tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử	3				M/A		M					M/A	M/A		M
40	Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng	3				M/A		M					M/A	M/A		M
d	Kiến thức bổ trợ ngành															
Học phần bắt buộc																
41	Phân tích dữ liệu với Python	3							M						M	M

STT	Tên học phần	TC	PLOs									
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2
42	Hợp đồng thông minh	3				M/A	M/A				M/A	
3. Tốt nghiệp												
43	Khóa luận tốt nghiệp	6						M/A				
	Hoặc											
44	Thực tập cuối khóa	3						M/A				
45	Học phần thay thế: Thực hành ứng dụng công nghệ trong tài chính	3						M/A				

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thực/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tốt đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Tiến Đạt

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Nguyễn Thị Mỹ Linh

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍCH HỢP TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1504 /QĐ-ĐHTCM, ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu chung về ngành đào tạo

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): **Kế toán**
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): **Accounting**
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7340301
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Kế toán theo định hướng ứng dụng; trang bị kiến thức thực tế vững chắc và lý thuyết hệ thống, toàn diện về kế toán, kiểm toán; phân tích thông tin ảnh hưởng đến hoạt động kế toán, kiểm toán trong bối cảnh liên ngành và chuyển đổi số.

Chương trình hướng tới hình thành năng lực nghiên cứu, năng lực thực hành nghề nghiệp và năng lực đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp cho người học thông qua việc rèn luyện khả năng đánh giá, phản biện và giải quyết các vấn đề nghiệp vụ chuyên môn; có khả năng sử dụng các công cụ số để cung cấp dữ liệu kinh tế tin cậy.

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân có năng lực làm việc độc lập ở mức độ cao, quản lý chuyên môn hiệu quả; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm xã hội, thể hiện tinh thần đổi mới sáng tạo và trách nhiệm xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- *Về kiến thức:* Nắm vững hệ thống, toàn diện kiến thức lý thuyết và thực tiễn về kế toán, kiểm toán; hiểu rõ bối cảnh liên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn phức tạp về kế toán tài chính, kế toán quản trị và kiểm toán trên nền tảng ứng dụng công nghệ số.
- *Về kỹ năng:* Đề xuất các giải pháp chuyên môn và quản trị trên nền tảng tư duy phản biện nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong môi trường làm việc đa dạng, hội nhập.
- *Về mức tự chủ và trách nhiệm:* Quản lý, điều phối hoạt động chuyên môn và ra quyết định độc lập; thể hiện năng lực khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo gắn liền với ý thức trách nhiệm xã hội hướng tới phát triển nghề nghiệp bền vững. ✓



3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ Về kiến thức

- PLO1: Vận dụng kiến thức khoa học xã hội, chính trị và pháp luật vào các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

+ PI 1.1: Giải thích các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán dựa trên nền tảng kiến thức chính trị, xã hội và pháp luật.

+ PI 1.2: Chỉ ra tác động của các yếu tố kinh tế và pháp luật đối với các nghiệp vụ kế toán, kiểm toán.

- PLO2: Vận dụng kiến thức nền tảng về kinh tế, tài chính và công nghệ số vào các hoạt động chuyên môn kế toán, kiểm toán.

+ PI 2.1: Vận dụng các nguyên lý kinh tế, quản trị và tài chính vào các nghiệp vụ chuyên môn kế toán, kiểm toán.

+ PI 2.2: Chọn các giải pháp công nghệ số và dữ liệu trong quy trình xử lý nghiệp vụ kế toán, kiểm toán.

- PLO3: Giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán dựa trên sự kết hợp kiến thức ngành và chuyên ngành trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

+ PI 3.1: Phân tích các vấn đề chuyên môn chuyên sâu thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán dựa trên các quy định hiện hành và hệ thống chuẩn mực kế toán.

+ PI 3.2: Đề xuất các giải pháp chuyên môn kế toán, kiểm toán đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

❖ Về kỹ năng:

- PLO4: Sử dụng thành thạo công cụ số và ngoại ngữ (tiếng Anh) trong quá trình thực hiện các hoạt động kế toán, kiểm toán.

+ PI 4.1: Sử dụng thành thạo công cụ số và các phần mềm chuyên dụng trong quá trình thực hiện nghiệp vụ chuyên môn.

Học phần đo lường:

Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp: Ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán (50%) hoặc Hệ thống thông tin trong kế toán (50%), Kế toán thuế (50%).

Chuyên ngành Kiểm toán: Ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán (50%) hoặc Phân tích dữ liệu trong kế toán (50%); Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính (50%) hoặc Kiểm toán hoạt động (50%).

+ PI 4.2: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong các hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

- PLO5: Đề xuất các giải pháp chuyên môn trong thực tiễn nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

+ PI 5.1: Hình thành các giải pháp chuyên môn tuân thủ quy định của pháp luật và các chuẩn mực kế toán, kiểm toán. ✓

+ PI 5.2: Thiết lập các quy trình công việc kế toán, kiểm toán trong bối cảnh thực tiễn nghề nghiệp.

- PLO6: Ra quyết định chuyên môn đối với các tình huống nghiệp vụ phức tạp.

+ PI 6.1: Đánh giá các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

+ PI 6.2: Ra quyết định đối với các vấn đề chuyên môn phức tạp.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*

- PLO7: Thể hiện năng lực tự chủ, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động chuyên môn kế toán, kiểm toán.

+ PI 7.1: Điều phối hiệu quả công việc cá nhân và nhóm trong quá trình thực hiện nghiệp vụ chuyên môn.

+ PI 7.2: Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong thực tiễn công việc. ✓

4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	TC	PLOs									
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2
			PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2						
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương												
a	Kiến thức lý luận chính trị											
1	Triết học Mác – Lênin	3	I									I
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	I									I
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I									I
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I									I
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I									I
b	Kiến thức pháp luật											
6	Pháp luật đại cương	3	I									R
c	Ngoại ngữ											
7	Tiếng Anh chuyên ngành	3	I						I			I
8	Tiếng Anh chuyên ngành nâng cao	3	R						R			R
d	Toán – Tin học											
9	Năng lực số	3	I						I			
10	Toán kinh tế	3	I						I			
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp												
a	Kiến thức Cơ sở ngành											
11	Kinh tế học vi mô	3			I							

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
12	Kinh tế học vĩ mô	3			I											
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R										I		R
14	Nguyên lý Marketing	3			R									R		R
15	Quản trị học	3			R									I		I
16	Tài chính – Tiền tệ	3			R									R		R
17	Luật kinh doanh	3			R									R		R
18	Thuế	3			R									R		R
19	Tài chính doanh nghiệp	3			R									R		R
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			I									I		R
21	Kinh tế lượng	3			R									R		R
22	Phát triển bền vững	3			R									R		R
23	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3			R									R		R
b	Kiến thức ngành															
24	Kế toán tài chính	3	R/A	R/A										R		R
25	Tài chính công	3						R							R	R
26	Hành vi khách hàng	3						R							R	R
27	Nguyên lý bảo hiểm	3							R						R	R
28	Kiểm toán căn bản	3			R	R								R		R
29	Ngân hàng thương mại	3						R							R	R
30	Kế toán tài chính theo IFRS	3						M/A							M	R
31	Kế toán công	3			R/A										R	R

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2		
32	Kế toán tài chính nâng cao	3						M/A					M/A	M/A		R
33	Kế toán quản trị	3	R/A	R/A									R/A			R
c	Kiến thức chuyên ngành															
Chuyên ngành 1: Kế toán doanh nghiệp																
Học phần bắt buộc																
34	Kế toán quản trị nâng cao	3			M/A	M							M/A			M/A
35	Kế toán chi phí	3			R/A								R			R
36	Kế toán thuế	3				M/A			M/A						M/A	R
Học phần tự chọn																
37	Ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán	3				R/A				R/A						R
38	Hệ thống thông tin kế toán	3				R/A				R/A						R
39	Thực hành kế toán tài chính	3			M								M/A	M/A		R
40	Khuôn khổ pháp lý kế toán Việt Nam	3			M								M/A	M/A		R
Chuyên ngành 2: Kiểm toán																
Học phần bắt buộc																
41	Kế toán quản trị nâng cao				M/A	M							M/A			M/A
42	Kế toán chi phí				R/A								R			R

STT	Tên học phần	TC	PLOs									
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2
43	Kiểm toán báo cáo tài chính							M				M
Học phần tự chọn												
44	Ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán					R/A			R/A	R/A		
45	Phân tích dữ liệu trong kế toán					R/A			R/A	R/A		
46	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính					M/A			M/A	M/A		M/A
47	Kiểm toán hoạt động					M/A			M/A	M/A		M/A
48	Kế toán tài chính theo IFRS nâng cao							M/A		M/A		
49	Lập báo cáo tài chính quốc tế							M/A		M/A		M/A
3	Tốt nghiệp											
Chuyên ngành 1: Kế toán doanh nghiệp												
50	Khóa luận tốt nghiệp							M/A			M/A	M/A
Hoặc												
51	Thực tập cuối khóa							M/A			M/A	M/A
52	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ							M			M	M
Chuyên ngành 2: Kiểm toán												
53	Khóa luận tốt nghiệp							M/A			M/A	M/A

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7							
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
Hoặc																
54	Thực tập cuối khóa	3					M/A							M/A	M/A	M/A
55	Kiểm toán nội bộ	3					M							M	M	M

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG KHOA
KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN



Phạm Tiến Đạt

Trần Hồng Vân

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍCH HỢP TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1504/QĐ-ĐHTCM, ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu chung về ngành đào tạo

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): **Kiểm toán**
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): **Auditing**
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7340302
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kiểm toán theo định hướng ứng dụng (chương trình tích hợp) nhằm trang bị kiến thức thực tế vững chắc và lý thuyết hệ thống, toàn diện về kiểm toán, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong bối cảnh liên ngành và chuyển đổi số, đồng thời tích hợp các chuẩn mực nghề nghiệp quốc tế.

Chương trình hướng tới hình thành năng lực nghiên cứu, năng lực thực hành nghề nghiệp và năng lực đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp thông qua việc rèn luyện tư duy phản biện, khả năng phân tích, đánh giá để giải quyết các vấn đề phức tạp trong việc soát xét và xác nhận độ tin cậy của thông tin tài chính và sử dụng thành thạo công cụ số để đề xuất các giải pháp kiểm soát hiệu quả.

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân có năng lực làm việc độc lập ở mức độ cao, quản lý chuyên môn hiệu quả, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và tự tin phát triển trong môi trường hội nhập toàn cầu.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ *Về kiến thức:*

PO1: Nắm vững hệ thống kiến thức lý thuyết và thực tiễn về kiểm toán, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro; hiểu rõ bối cảnh liên ngành để đánh giá và giải quyết các vấn đề chuyên môn phức tạp dựa trên hệ thống chuẩn mực nghề nghiệp (VSA, VAS, IFRS) nhằm xác nhận độ tin cậy của thông tin tài chính trên nền tảng ứng dụng công nghệ số. ✓

❖ *Về kỹ năng:*

PO2: Đề xuất các quy trình kiểm toán, giải pháp kiểm soát nội bộ dựa trên tư duy phản biện và hoài nghi nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong môi trường làm việc đa dạng, hội nhập.

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm:*

PO3: Quản lý và điều phối các hoạt động kiểm toán, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro; thể hiện năng lực đổi mới sáng tạo, gắn liền với việc tuân thủ đức nghề nghiệp hướng tới phát triển bền vững trong môi trường đa văn hoá.

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ *Về kiến thức*

- PLO1: Vận dụng kiến thức về pháp luật, kinh tế và xã hội vào các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực kiểm toán.

+ PI 1.1: Giải thích các vấn đề chuyên môn trong hoạt động kiểm toán dựa trên nền tảng các kiến thức pháp luật, kinh tế và xã hội.

+ PI 1.2: Chỉ ra các tác động của các yếu tố kinh tế và pháp luật đến hoạt động kiểm toán.

- PLO2: Vận dụng các kiến thức nền tảng về kinh tế, tài chính và công nghệ số vào các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực kiểm toán.

+ PI 2.1: Vận dụng các nguyên lý kinh tế, quản trị, tài chính vào các nghiệp vụ kiểm soát và kiểm toán.

+ PI 2.2: Chọn các giải pháp công nghệ số và dữ liệu trong quy trình đánh giá rủi ro và hoạt động kiểm toán.

- PLO3: Vận dụng kiến thức ngành và chuyên ngành kiểm toán vào các vấn đề chuyên môn phức tạp trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

+ PI 3.1: Phân tích các vấn đề kiểm toán dựa trên các chuẩn mực VSA/IFRS và dữ liệu thực tế trong các bối cảnh hội nhập quốc tế

+ PI 3.2: Đề xuất giải pháp kiểm toán và kiểm soát nội bộ đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong bối cảnh chuyển đổi số.

❖ *Về kỹ năng:*

- PLO4: Sử dụng thành thạo công nghệ số và ngoại ngữ (Tiếng Anh) trong hoạt động kiểm toán.

+ PI 4.1: Sử dụng thành thạo công cụ số để giải quyết công việc chuyên môn trong hoạt động kiểm toán.

+ PI 4.2: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong hoạt động kiểm toán.

- PLO5: Đề xuất các giải pháp chuyên môn trong hoạt động kiểm toán.

+ PI 5.1: Hình thành các giải pháp kiểm soát rủi ro dựa trên việc khai thác thông tin kế toán quản trị.

+ PI 5.2: Phát triển các thủ tục kiểm toán chuyên sâu trên nền tảng ứng dụng công nghệ và phân tích dữ liệu.

- PLO6: Ra quyết định chuyên môn trong các tình huống kiểm toán thực tế tại doanh nghiệp.

+ PI 6.1: Thiết kế các thủ tục kiểm toán chuyên sâu nhằm phát hiện rủi ro tài chính và gian lận thông qua kỹ thuật phân tích dữ liệu.

+ PI 6.2: Đề xuất chương trình kiểm toán tổng thể tích hợp với các giải pháp hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*

- PLO7: Thể hiện năng lực tự chủ, trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng thích ứng nhanh trước những đổi mới của lĩnh vực kiểm toán.

+ PI 7.1: Đảm nhận trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm tập thể khi thực hiện các hoạt động kiểm toán chuyên sâu.

+ PI 7.2: Bảo vệ quyết định chuyên môn trên nền tảng tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và năng lực tự định hướng ✓

4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

SST	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
I. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
a	Kiến thức lý luận chính trị															
1	Triết học Mác – Lênin	3	I													I
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	I													I
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I													I
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I													I
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I													I
b	Kiến thức pháp luật															
6	Pháp luật đại cương	3	R								R					R
c	Ngoại ngữ															
7	Tiếng Anh chuyên ngành	3	I								I					I
8	Tiếng Anh chuyên ngành nâng cao	3	R								R					R
d	Toán – Tin học															
9	Năng lực số	3	I								I					I
10	Toán kinh tế	3	I								I					I
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																
a	Kiến thức Cơ sở ngành															
11	Kinh tế học vi mô	3	I			I					I					I
12	Kinh tế học vĩ mô	3	I			I					I					I

STT	Tên học phần	TC	PLOs												
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R								R			R
14	Nguyên lý Marketing	3			R		R								
15	Quản trị học	3			R								I	R	I
16	Tài chính – Tiền tệ	3			R							R			R
17	Luật kinh doanh	3			R						R				R
18	Thuế	3			R							R			R
19	Tài chính doanh nghiệp	3		R						R					R
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R		M	M					R		R
21	Kinh tế lượng	3	R							R			R		R
22	Phát triển bền vững	3	R						R				R		
23	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3			R						R				R
<i>b</i>	<i>Kiến thức ngành</i>														
24	Kế toán tài chính	3	R/A	R/A							R				R
25	Tài chính công	3	R				R		R				R		R
26	Hành vi khách hàng	3	R				R			R	R				
27	Kiểm toán nâng cao	3					M		M/A			M/A			M
28	Kiểm toán căn bản	3			R/A	R/A					R				R
29	Phân tích dữ liệu cho kế toán	3					R/A		R/A						M
30	Kế toán tài chính theo IFRS	3					M						M		R
31	Kế toán công	3			R								R		R

STT	Tên học phần	TC	PLOs														
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	
32	Kế toán tài chính nâng cao	3					M							M			
33	Kế toán quản trị	3	R/A	R/A										R/A			R
c	Kiến thức chuyên ngành																
Học phần bắt buộc																	
34	Kế toán quản trị nâng cao	3			M/A	M/A								M/A			M
35	Lập Báo cáo tài chính quốc tế	3							M					M			M
36	Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro	3							M/A					M/A			M/A
Học phần tự chọn:																	
Chọn 1 trong 2 học phần																	
37	Kiểm toán nội bộ	3							M/A					M/A		M/A	M
38	Kiểm toán báo cáo tài chính	3							M/A					M/A		M/A	M
Chọn 1 trong 2 học phần																	
39	Kế toán điều tra	3						M/A							M/A		M
40	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3						M/A							M/A		M
d	Học phần bổ trợ																
41	Kế toán tài chính theo IFRS nâng cao	3							M				M/A				R
42	Lập Báo cáo tài chính quốc tế nâng cao	3							M				M/A			M	M

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
III. Tốt nghiệp																
43	Khóa luận tốt nghiệp	6							M/A					M/A	M/A	M/A
Hoặc																
44	Thực tập cuối khóa	3							M/A					M/A	M/A	M/A
45	Kiểm toán hoạt động	3				M				M	M					M

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHÍNH



★ Phạm Tiến Đạt

TRƯỜNG KHOA
KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Trần Hồng Vân



